

- đề góp phần phát triển kinh tế, xã hội.
- chi tiêu đúng là các khoản chi cần bị
 - Căn cứ vào lĩnh vực chi tiêu. $0,25$
 - chi theo các lĩnh vực (y tế, giáo dục, ...)

- #
- chi ngân sách > thu ngân sách: bội chi ngân sách
 - chi ngân sách < thu ngân sách: bội thu ngân sách
 - chi ngân sách = thu ngân sách: thu chi vừa đủ
 - Tại Việt Nam, thì tổng thu từ thuế, phí, lệ phí phải cao hơn so với chi vì không chi đảm bảo chi ngân sách đủ mà còn để tích góp ngày càng cao để đầu tư.

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp. - Số tờ: 1 - Mã đề: 03
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
8,5	Tam Phước nam	<i>nh</i>	<i>ly</i>	
Kết quả	Câu 1	$0,25 \times 6 = 1,5$		
Câu 1: 1,5	1 B ✓	6 D ✓		
	2 C ✓	7 A ✓		
Câu 2: 2,0	3 D ✓	8 E ✓		
	4 B ✓	9 C ✓		
Câu 3: 2,0	5 A ✓	10 A ✓		
Câu 4: 1,5	Câu 2 $2 \times 0,75$			
Câu 5: 1,5	1) Đúng $0,75$. Theo lý thuyết, tín phiếu kho bạc là công cụ huy động vốn ngắn hạn do kho bạc nhà nước phát hành để bù đắp những thiếu hụt tạm thời của ngân sách nhà nước. Vì vậy câu này là đúng.			
Cộng: 8,5	2) Sai $0,75$. Tín dụng là quan hệ hoàn trả vô điều kiện. Nguyên tắc cơ bản của tín dụng là hoàn trả cả gốc lẫn lãi. Tín dụng là quan hệ ^{quan hệ} giữa người đi vay và người cho vay đến ngày đáo hạn thì người đi vay phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi cho người cho vay.			
	3) Sai. Chỉ tỷ giá hối đoái trên thị trường tăng qua cao so với mức mục tiêu thì ngân hàng trung ương phải thực hiện nghiệp vụ mà bằng cách $0,75$ bán ra một lượng ngoại tệ để hạ nhiệt tỷ giá. Để cung ngoại tệ tăng, cầu giảm thì tỷ giá có xu hướng giảm.			
	4) Sai. Khoản chi chính phủ để xây dựng cầu đường cao tốc không thuộc nhóm chi thường xuyên của ngân sách nhà nước mà thuộc nhóm chi đầu tư $0,75$			

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

2đ

Câu 3: - khi ngân hàng trung ương giảm hạn mức tái chiết khấu thì ~~lãi~~ lãi làm cho ~~thị~~ vốn khả dụng của NHTM giảm ~~lãi~~ lãi cho mức cung tiền trên thị trường giảm và lãi suất liên ngân hàng tăng từ đó ~~lãi~~ lãi cung tiền thì trường giảm và lãi suất thì trường tăng.

- khi ngân hàng trung ương giảm hạn mức tái chiết khấu thì vốn khả dụng của NHTM giảm ~~lãi~~ lãi cho lãi thì trường tăng ~~lãi~~ lãi dẫn đến chi phí vốn tăng làm cho các nhà đầu tư hạn chế vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất ~~lãi~~ lãi cho đầu tư giảm.

- khi ngân hàng trung ương giảm hạn mức tái chiết khấu thì vốn khả dụng ngân hàng thường mai giảm khiến cho cung tiền lãi suất thì trường tăng thì ~~lãi~~ lãi làm cho dân nghèo người dân tăng tiết kiệm giảm chi tiêu, giảm vay từ dân cư vì lãi suất cao ~~lãi~~ lãi, đầu tư cũng giảm nên dân cư thiếu việc làm, thất nghiệp nên làm cho tiêu dùng giảm.

Câu 4: 1,5
Tài chính công là hoạt động thu chi của quý tiền tệ của nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước ~~lãi~~ lãi đối với xã hội thông qua việc cung cấp hàng hoá công cộng và dịch vụ công. Hẹp hơn tài chính nhà nước 0,5.

Tài chính nhà nước rộng hơn tài chính nhà nước bao gồm tài chính công và các hoạt động tài chính của đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

0,5

Phi lợi nhuận. Vì lợi ích chung lợi ích công cộng, toàn xã hội. Thông vì mục tiêu lợi nhuận, mục đích cá nhân.

Bao gồm phi lợi nhuận từ tài chính công và cả lợi nhuận từ các hoạt động tài chính của doanh nghiệp nhà nước.

Vai trò của tài chính công là đảm bảo ổn định xã hội, dân cư.

Bao gồm vai trò tài chính công và cả việc ổn định kinh tế - xã hội và phát triển kinh tế - toàn xã hội, tạo sự liên kết phát triển giữa

tài chính nhà nước và tài chính các bộ phận tài chính khác trợ xã hội.

Nguồn vốn của tài chính công là từ phí, lệ phí, thuế.

Nguồn vốn tài chính nhà nước bao gồm nguồn vốn của tài chính công và nguồn vốn từ các hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

0,5

1,5 đ

Câu 5: Phân tích nội dung chi ngân sách nhà nước - chi ngân sách là hoạt động phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ của nhà nước để thực hiện chức năng nhiệm vụ của nhà nước theo luật ngân sách nhà nước.

- * Phân loại 0,25
- Căn cứ vào chức năng của nhà nước và phương thức quản lý kinh tế - xã hội của nhà nước
- + chi đầu tư là các khoản chi tạo cơ sở vật chất cho các lĩnh vực chủ yếu là lĩnh vực kinh tế nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc gia 0,25
- + chi thường xuyên là các khoản chi thường xuyên của nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của nhà nước, hỗ trợ các tổ chức kinh tế, nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội 0,5

- + chi trả nợ gồm 0,5
- + chi trả nợ trong nước là khoản chi cho các khoản vay từ dân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước
- + chi trả nợ nước ngoài là khoản chi cho khoản vay từ doanh nghiệp, chính phủ, tổ chức tài chính kinh tế - quốc tế

- Căn cứ vào mục tiêu chi tiêu
- + chi tích lũy là chi khoản chi để tăng cường cơ sở vật chất, tiềm lực kinh tế cho nền kinh tế

0,25

Vai trò: thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện năng lực sản xuất, tạo việc làm.

Ví dụ: Chi cho xây dựng cầu, cảng, đường xa, khu công nghiệp, cải tiến khoa học - công nghệ, di trú tài chính...

2. Chi thường xuyên:

Mục tiêu: ph. Duy trì hoạt động thường xuyên của Nhà nước gắn với chức năng quản lý kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống cho người dân.

Nội dung chi:

- + Chi cho An ninh - quốc phòng
- + Chi cho sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường

+ Chi cho các cơ quan quản lý, tổ chức chính trị nhà nước

+ Chi bảo đảm xã hội

+ Chi cho hoạt động kinh tế

+ Chi khác theo pháp luật

Vai trò: ổn định bộ máy Nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội.

3. Chi trả nợ

Mục tiêu: trả nợ đúng hạn, tránh thiệt hại do lãi phát cao

Nội dung chi: Chi trả nợ trong nước (tín phiếu, trái phiếu) và nước ngoài (ngoại tệ, ...).

Vai trò: Đảm bảo uy tín tín dụng quốc gia. Tránh nợ chồng chất, vỡ nợ...

Ngoài ra, cần chú ý theo mục đích chi, ta có:

+ Chi tích lũy: tăng tiềm lực kinh tế (đầu tư xây dựng cơ bản, cấp vốn lưu động, di trú tài chính...)

+ Chi tiêu dùng: phục vụ cho nhu cầu đời sống nhân dân và cơ sở chức năng quản lý của Nhà nước (q.p.h, y.t, giáo dục)

⇒ cần bảo đảm giữa việc phát triển kinh tế dài hạn và đảm bảo an sinh xã hội

Liên hệ: Ở Việt Nam, Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Bắc - Nam: Từ đó nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tạo việc làm ⇒ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. ⇒ thể hiện vai trò quan trọng của chi ngân sách hợp lý

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: Tài chính tiền tệ

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
80	Tám mươi	M.	L.	- Số tờ: 1 - Mã đề: 03

Kết quả	Câu 1: 1,25	Câu 2: 1,5	Câu 3: 1,5	Câu 4: 1,5	Câu 5: 2,25	Cộng: 8,0
Câu 1: Trắc nghiệm	1. A a ✓	2. D d ✓	3. d ✓	4. d ✓	5. C ✓	
Câu 2: Đúng / sai	6. x b ✓	7. b ✓	8. c ✓	9. c ✓	10. a ✓	
Câu 3:	Cần: d 1,5 Đúng / sai: 0,5					
Câu 4:	(1) Đúng. Tín phiếu kho bạc là công cụ nợ ngắn hạn mà chính phủ có thể sử dụng để bù đắp thiếu hụt tạm thời.					
Câu 5:	(2) Đúng. Tín dụng là hoạt động cho vay sau một thời gian nhất định dựa trên cam kết trả gốc có kèm lãi suất hoặc lợi ích khác.					
Câu 6:	(3) Sai. Tỷ giá tăng có tức cầu ngoại tệ đang tăng → Ngân hàng Trung Ương cần bán USD ngoại tệ → bơm ngoại tệ ra → ổn định tỷ giá. 0,5					
Câu 7:	(4) Sai. Đây là nhóm chi đầu tư, vì xây dựng cơ sở hạ tầng.					
Câu 8:						
Câu 9:						
Câu 10:						

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

Câu 2: Dạng / Sa

Câu 3:

Ngân hàng trung ương giảm hạn mức tài chiết khấu, ảnh hưởng:
- Cung tiền và lãi suất thị trường

~~Đầu tư~~ ^{Đầu tư}:

NHTW giảm hạn mức tài chiết khấu → dự trữ Ngân hàng thường mai giảm → tín dụng hạn chế → cung tiền giảm.

Ngoài ra: Dự trữ NHTM giảm → cung vốn liên ngân hàng giảm → lãi suất liên ngân hàng tăng → lãi suất thị trường tăng theo.

- Đầu tư:

Dự trữ giảm → hạn chế cho vay tín dụng → Doanh nghiệp vay ít → đầu tư giảm.

- Tiêu dùng

NHTW giảm hạn mức tài chiết khấu dẫn đến lãi suất tăng (như đã đề cập trên) → người dân hạn e ngoại vay → tiêu dùng giảm.

Câu 4:

Tài chính công: mang tính xã hội, công ích, phản ánh vai trò của nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ hàng hoá công phục vụ cho xã hội.

Tài chính Nhà nước: bao quát hơn, gồm các hoạt động của Tài chính công và hoạt động kinh tế lợi nhuận của Doanh nghiệp Nhà nước, phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Để làm rõ sự khác biệt, ta xét:

Tiêu chí	Tài chính công	Tài chính Nhà nước
Hoạt động	Thực hiện các hoạt động thu - chi công nhằm cung cấp hàng hoá-dịch vụ công ⇒ phục vụ lợi ích xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận. Ví dụ: xây bệnh viện, giao thông.	Phục vụ lợi ích xã hội bằng các hoạt động công ích kết hợp phục vụ lợi ích kinh tế, có lợi nhuận qua doanh nghiệp nhà nước. VD: Ngoại hoạt động công, công ty: Viettel, EVN, Vinacomin.
Phạm vi	Hẹp: chỉ các hoạt động công	Rộng hơn: công + Doanh nghiệp nhà nước.

Tính chất	Hoàn toàn công	Vừa công vừa tư
Công cụ tài chính	Ngân sách nhà nước, Quỹ ngoại ngân sách nhà nước, Tài chính địa phương hành chính - sự nghiệp công.	Giới công cụ của tài chính công + Tài chính Doanh nghiệp nhà nước.
Nguồn vốn	Thuế, phí, lệ phí, vốn vay của Nhà nước, viện trợ, ...	Nguồn vốn của tài chính công + vốn và lợi nhuận Doanh nghiệp nhà nước.
Người hưởng lợi	Xã hội nói chung	Công đồng xã hội và Doanh nghiệp nhà nước hưởng lợi nhuận.
Tác động kinh tế	Giảm tiếp hỗ trợ phát triển kinh tế	tạo kinh tế trực tiếp, đóng góp vào GDP.

Câu 5:

Chi ngân sách nhà nước là việc phân phối và sử dụng Ngân sách để phục vụ cho chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước. Việc chi ngân sách hợp lý góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và bộ máy Nhà nước.

Có nhiều cách phân loại những căn cứ vào chức năng của Nhà nước và phương thức quản lý Ngân sách Nhà nước là phổ biến nhất trên thế giới, theo cách này ta phân thành 3 nhóm chi cơ bản: Chi đầu tư, chi thường xuyên, chi khác.

1. Chi đầu tư

Mục tiêu: tạo lập cơ sở vật chất, hạ tầng làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung chi: + Chi xây dựng cơ bản

- + Chi đầu tư hỗ trợ cho doanh nghiệp nhà nước
- + Góp vốn cho các doanh nghiệp quan trọng
- + Chi cho quỹ phát triển,
- + Chi dự trữ nhà nước
- + Chi khác...

vay giảm từ đó, lãi suất tín dụng tăng

- Tính lỏng (tính thanh khoản) tăng
- Lãi cho cùng với vay tăng lên, khiến lãi suất tín dụng giảm xuống ✓
- Và ngược lại:
 - + Thu nhập bình quân giảm làm lãi suất tín dụng tăng
 - + Lợi tức dự tính giảm làm lãi suất tín dụng tăng
 - + Làm phát kỳ vọng giảm làm lãi suất tín dụng giảm
 - + Kỳ vọng giảm làm lãi suất tín dụng giảm
 - + Tính lỏng (tính thanh khoản) giảm làm lãi suất tín dụng tăng ✓

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: Tài chính tiền tệ

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
(8,0)	Điểm	✓	✓	- Số tờ: 01 - Mã đề: 04

Kết quả

Câu 1: 4,5

Câu 2: 2,0

Câu 3: 4,5

Câu 4: 1,0

Câu 5: 2,0

Cộng: 8,0

Câu 1: $0,25 \cdot 6 = 1,5$

- | | |
|--------|--------------------------|
| 1. a ✓ | 6. b ✓ |
| 2. b ✓ | 7. c ✓ |
| 3. b ✓ | 8. b ✓ |
| 4. d | 9. a ✓ |
| 5. a ✓ | 10. a Các khoản phải thu |

Câu 2: 2đ

(1) Nhận định trên là sai. Vì lợi tức tín dụng là khoản giá trị đòi ra mà người đi vay phải hoàn trả và nó tồn tại dưới hình thức tiền tệ và hiện vật 0,5

(2) Nhận định trên là sai. Vì Tổng số thu từ thuế, lệ phí cao hơn chi trả cho hoạt động chi thường xuyên, để đảm bảo phần thu về sẽ dư ra một phần phục vụ cho hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế 0,5

(3) Nhận định trên là đúng. Vì khi tỷ giá USD/VND tăng, chứng tỏ đồng tiền nội tệ (Việt Nam) đang giảm tương đối so với đồng tiền ngoại tệ (ở Mỹ) khiến cho việc đổi từ USD sang VND có lợi hơn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ nhận được nhiều VND hơn so với trước. 0,5

(4) Nhận định trên là sai. Vì vốn ODA không

0,5

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

phải lúc nào cũng là khoản vốn thì không hoàn lại.

Câu 3: 1,5

- Khi Ngân hàng tung đồng bán lượng lớn chứng khoán thông qua thị trường mở (trong điều kiện các nhân tố khác không đổi) thì ảnh hưởng lập tức đến dư thừa của Ngân hàng tung giảm? ✓
- + khiến cho cung tiền giảm xuống ✓ tác động đến lãi suất thì thường tăng lên ✓
- + Doanh nghiệp và nhà đầu tư gặp khó khăn trong việc vay vốn khiến đầu tư giảm xuống ✓
- + qua đó cũng làm giảm tiêu dùng ✓

Câu 4: 1,5

Tiểu chí	Thị trường tiền tệ	Thị trường vốn
Khái niệm	- Thị trường mua bán chứng khoán nợ ngắn hạn (có thời hạn dao động từ 1 năm trở xuống)	- Thị trường mua bán chứng khoán nợ dài hạn (có thời hạn dài hơn 1 năm) và chứng khoán vốn
Tính thanh khoản	- Tính thanh khoản cao do nhu cầu vốn ngắn hạn để giải quyết vấn đề thiếu tiền mặt tạm thời để thanh toán	- Tính thanh khoản thấp hơn do quy mô sản xuất lớn và thời hạn dài
Mức sinh lời và rủi ro	- Mức sinh lời thấp, mức độ rủi ro thấp và kỳ hạn ngắn	- Mức sinh lời cao, mức độ rủi ro cao và kỳ hạn dài
Mục đích	- Giải quyết nhu cầu về vốn ngắn hạn, giải quyết vấn đề thiếu tiền mặt tạm thời để thanh toán	- Đảm bảo nhu cầu vốn dài hạn, thúc đẩy mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế

Các công cụ tài chính	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, thương phiếu, chấp phiếu ngân hàng, ...	Cổ phiếu, trái phiếu và các khoản vay ...
0,25		

Câu 5: 2đ

- Lãi suất tín dụng là giá cả phải trả của khoản vay và bị ảnh hưởng bởi quan hệ cung cầu vốn vay trên thị trường. ✓
- a. Nhân tố cầu vốn vay
 - Lợi nhuận kỳ vọng tăng, làm doanh nghiệp muốn vay nhiều hơn khiến cầu vốn vay tăng. từ đó, lãi suất tín dụng tăng. ✓
 - lạm phát kỳ vọng tăng khiến cầu vốn vay tăng, ảnh hưởng tới lãi suất tín dụng tăng theo. ✓
 - Vay nợ Chính phủ tăng khiến cầu vốn vay tăng, làm lãi suất tín dụng tăng. ✓
 - Ngược lại thì:
 - + Lợi nhuận kỳ vọng giảm, làm lãi suất tín dụng giảm
 - + lạm phát kỳ vọng giảm, làm lãi suất tín dụng giảm
 - + vay nợ Chính phủ giảm, làm lãi suất tín dụng giảm
- b. Nhân tố cung vốn vay
 - Thu nhập bình quân tăng, làm tăng cung vốn vay từ đó làm lãi suất tín dụng giảm. ✓
 - Lợi tức dự tính tăng, làm tăng cung vốn vay từ đó làm lãi suất tín dụng giảm. ✓
 - Lạm phát kỳ vọng tăng, làm giảm cung vốn vay từ đó làm lãi suất tín dụng tăng. ✓
 - Rủi ro tăng lên khiến doanh nghiệp giảm mong muốn đi vay, làm cung vốn

- Căn cứ vào mục đích chi tiêu: 0,25
 +) Chi tiêu kỹ: là khoản chi làm tăng cơ sở vật chất và hiện lực kinh tế, tăng bước kinh tế.
 Giải: Chi tiêu để xây dựng cơ bản, chi các tài khoản với hệ thống, chi dự trữ vật chất nhà nước.
 +) Chi tiêu dùng: chi cho phát triển kinh tế xã hội, chi cho quản lý hành chính nhà nước, chi cho an ninh quốc phòng
 => lý nghĩa: tạo điều kiện phân tích đánh giá các hoạt động của nhà nước, xem xét kỹ trong giải quyết mối quan hệ cân đối giữa chi tiêu kỹ và tăng trưởng kinh tế và với chi cho đời sống tiêu dùng.

- Căn cứ vào lĩnh vực chi tiêu: 0,25
 quốc dân, văn hóa, xã hội, quản lý nhà nước, an ninh nghiệp, an ninh quốc phòng.
 => lý nghĩa: có tác dụng phân tích, đánh giá các hoạt động của nhà nước, xem xét kỹ trong cơ cấu của các chi ngân sách nhà nước để đánh giá đúng trình độ phát triển của việc phân phối và sử dụng ngân quỹ quốc gia.

x) Nguyên tắc chi:
 +) Chi dựa trên cơ sở thu
 +) Chi có hiệu quả
 +) Chi trong khuôn khổ ngân sách

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp. - Số tờ: 01 - Mã đề: 03
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
7,8	Bằng phạm tam	H.	L	

<u>Kết quả</u>	I. Bài thực nghiệm: Câu 1: $0,25 \times 7 = 1,75$		
<u>Câu 1: 1,75</u>	1 A ✓	8 A ✓	
<u>Câu 2: 1,5</u>	2 D	9 A ✓	
<u>Câu 3: 0,75</u>	3 D ✓	10 B ✓	
<u>Câu 4: 1,25</u>	4 B ✓		
<u>Câu 5: 2,5</u>	5 A ✓		
<u>Cộng: 7,75</u>	6 B ✓		
	7 B ✓		
	II. Tự luận		
	Câu 2: 1,5 đ		
	1) Đúng ✓ Vì tài phiếu kho bạc là công cụ tiền huy động vốn ngân hàng 0,25		
	hoàn trả.		
	2) Tài dụng là quan hệ tài chính có điều kiện đúng vì tài dụng là hoàn trả cả gốc và lãi.		
	3) Đúng Sai ✓ vì mua ngoại tệ sẽ càng làm tăng tỷ giá hối đoái 0,25		
	4) Sai ✓ Vì khoản chi của chính phủ để xây dựng một tuyến đường là khoản chi cho đầu tư phát triển. 0,25		

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

Câu 3: 0,75

- Ngân hàng trung ương quản hạn mức tài chiết khấu → quản vốn khả dụng của ngân hàng trung gian → quản cung tiền
- Ngân hàng trung ương quản hạn mức tài chiết khấu → mức cung vốn của ngân hàng trung gian → lãi suất thị trường liên ngân hàng quản → lãi suất chung quản → lãi suất thị trường quản
- Ngân hàng trung ương quản hạn mức tài chiết khấu → lãi suất thị trường quản → người dân hạn chi tiêu → giảm tiết kiệm → tăng tiền dùng
- Ngân hàng trung ương quản hạn mức tài chiết khấu → Chi phí vay vốn của ngân hàng trung gian tăng → hạn chi tiêu

Câu 4: 1,25

	Tài chính nhà nước	Tài chính công
Khái niệm	Tài chính nhà nước là các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình nhà nước tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ bao gồm ngân sách nhà nước và các quỹ khác để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo hệ thống pháp lý.	Tài chính công là hoạt động thu chi bằng tiền của nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ công.
Bản chất	Thu từ nhiều người khác nhau cả trong và ngoài nước, mang tính kinh doanh, nguồn thu từ người và bất động sản.	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của nhà nước để tạo ra hàng hóa dịch vụ công, phục vụ lợi ích toàn xã hội.
Mục đích	- Ổn định kinh tế xã hội. - Tài cơ cấu và ổn định kinh tế vĩ mô. - Quản lý và thực hiện nguồn tài chính quốc gia.	- Thực hiện công bằng xã hội. - Điền tiết nền kinh tế vĩ mô. - Phát triển hạ tầng, giáo dục.
Nguồn hình thành vốn khác	Thu ngân sách nhà nước, nợ vay, các nguồn vốn khác.	Chủ yếu thu thuế, phí và lệ phí.

Phạm vi | Quản lý ngân sách nhà nước và tài chính công và tương tác đầu tư vào doanh nghiệp trong nhà nước.

0,25

Câu 5: 2,5 đ

* Chi ngân sách nhà nước là hoạt động phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước 0,25

* Phân loại:

- Căn cứ theo chức năng và phương thức quản lý:
- 1) Chi đầu tư phát triển: là khoản chi để tạo dựng cơ sở vật chất trong các lĩnh vực để phát triển kinh tế 0,5. gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước, góp vốn liên doanh, vốn cổ phần, chi hỗ trợ và phát triển chương trình mục tiêu quốc gia, ...
- 2) Chi thường xuyên: là khoản chi cho các hoạt động thường xuyên gắn liền với chức năng quản lý nhà nước, kinh tế xã hội.

Quản: Chi quản lý nhà nước: chi cho các hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước, hệ thống phát luật, chi cho quản lý và mở nền kinh tế xã hội 0,75

- Chi cho an ninh quốc phòng: đảm bảo trật tự an ninh quốc gia, an toàn dân cư.

* Chi trả nợ 0,5

Quản: Chi trả nợ trong nước: là khoản nợ mà nhà nước với dân cư, bằng phát hành trái phiếu và tín phiếu kho bạc. Chi trả nợ nước ngoài: là khoản nợ mà nhà nước với chính phủ nước ngoài, các tổ chức tài chính quốc tế

- ý nghĩa: 1) Tăng rõ nhà nước chi cho phát triển, phục vụ xã hội, chi trả nợ
- 1) Nâng cao quản lý nhà nước
 - 1) Đảm bảo cơ cấu chi của ngân sách nhà nước

tỉ trọng nhỏ và không chịu ảnh hưởng của lãi suất
 - Đường cung vốn vay là đường thẳng dốc lên
 - Độ dốc càng thoải chứng tỏ cung vốn vay càng nhạy cảm với lãi suất

⊗ Các nhân tố làm dịch chuyển đường cung vốn vay
 - Thu nhập bình quân: $0,25$
 +> Khi thu nhập bình quân tăng lên làm cho khả năng cung ứng vốn tăng → Cung vốn vay tăng, đường cung vốn vay dịch chuyển sang phải → lãi suất tăng và ngược lại

- Lãi tức dư tính và làm phát hiệi vòng $0,25$
 +> khi lãi tức dư tính tăng làm cho nhu cầu mua các công cụ nợ tăng → Cung vốn vay tăng → lãi suất tăng và ngược lại

+> khi làm phát hiệi vòng tăng →
 +> làm phát hiệi vòng tăng → lãi suất tăng và ngược lại
 Ah - Vay nợ chính phủ (cần vốn vay bị ảnh hưởng)
 +> khi chính phủ tăng vay nợ → các hộ gia đình tăng tiết kiệm → ^{lãi} cung vốn vay giảm → lãi suất giảm và ngược lại $0,25$

- Rủi ro: +> khi rủi ro vào các công cụ nợ tăng
 → nhu cầu vay vốn giảm → Cung vốn vay giảm
 → lãi suất tăng $0,25$

- Tính lỏng: +> khi các công cụ nợ dễ dàng mua bán
 → tăng đầu tư → cung vốn vay tăng → lãi suất tăng giảm $0,25$

+> khi chính phủ giảm chi phí môi giới các công cụ nợ → nhu cầu đầu tư giảm → Cung vốn vay giảm → lãi suất tăng

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: Tài chính tiền tệ

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
7,3	Bảy Phẩy ba	[Signature]	[Signature]	- Số tờ: 01 - Mã đề: 04

Kết quả

Câu 1: $1,25$

Câu 1: $0,25 \times 5 = 1,25$
 1, A ✓ 3, E 5, A 7, B 9, A
 2, B ✓ 4, D 6, D ✓ 8, A ✓ 10, B ✓ chi phí tiền lương

Câu 2: $1,25$

Câu 2: $1,25$
 1, Đúng
 2, Sai vì tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn các hoạt động chi thường xuyên $0,5$

Câu 3: $1,5$

Câu 3: $1,5$
 1, Đúng
 2, Sai vì khi tỷ giá USD/VND tăng thì đồng USD sẽ có giá trị lớn hơn VND → giá trị đồng USD sẽ lớn hơn giá trị VND

Câu 4: $1,0$

Câu 4: $1,0$
 3, Đúng vì khi tỷ giá USD/VND tăng thì giá trị đồng USD sẽ lớn hơn VND → giá trị đồng USD sẽ lớn hơn giá trị VND

Câu 5: $2,25$

Câu 5: $2,25$
 1, Sai vì vay vốn ODA
 3, Đúng vì khi tỷ giá USD/VND tăng thì giá trị đồng USD sẽ lớn hơn VND → Một đồng USD đổi sang VND sẽ tăng lên
 4, Sai $0,25$

Cộng: $7,25$

Câu 3:

- khi Ngân hàng Trung Ương bán một lượng lớn chứng khoán thông qua thị trường mở (các nhân tố khác không thay đổi) thì:
 +> Ngân hàng Trung Ương sẽ thu một lượng tiền về thông qua bán chứng khoán, do đó lượng cung tiền sẽ giảm dẫn đến lãi suất thị trường có xu hướng tăng
 +> khi lãi suất có xu hướng tăng, chi phí cho vay cũng sẽ tăng dẫn đến các doanh nghiệp giảm vay tiền
 → Đầu tư sẽ giảm ✓

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

→ Khi lương cung tên giảm, lãi suất thị trường tăng sẽ kích thích các hộ gia đình tăng tiết kiệm → Tiêu dùng giảm ✓

Câu 4: 1 đ

	Thị trường tiền tệ	Thị trường vốn
Khái niệm 0,25	- là thị trường mua bán các chứng khoán ngắn hạn < thời gian đáo hạn nhỏ hơn 1 năm >	- là thị trường mua bán các chứng khoán dài hạn < thời gian đáo hạn lớn hơn 1 năm >, chứng khoán vốn
Công cụ huy động vốn 0,25	Thương phiếu, tín phiếu, chấp phiếu ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng mua bán	- Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư
Mục đích	- Quản lý thanh khoản	- Huy động vốn cho các dự án đầu tư dài hạn, mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp
Bản chất	- Huy động vốn ngắn hạn, thanh khoản cao, rủi ro thấp, thị trường tiền tệ ít biến động về giá, lợi nhuận thấp	- Huy động vốn dài hạn, thanh khoản thấp, rủi ro cao, thị trường tiền tệ biến động nhiều về giá, lợi nhuận cao

Câu 5:

- Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng:
- ⊗ lợi nhuận kỳ vọng vào các cơ hội đầu tư
- lợi nhuận kỳ vọng cao: đi vay để
- các doanh nghiệp có xu hướng mở rộng đầu tư

Câu 5: 2,25 đ

- Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất tín dụng:

1. Cầu vốn vay

- Cầu vốn vay được hình thành từ:
 - nhu cầu vay vốn của các hộ gia đình 0,25
 - nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp
 - nhu cầu vay vốn từ các cơ quan nhà nước
- Đường cầu vốn vay là một đường thẳng dốc xuống
- độ dốc càng thoải chứng tỏ cầu vốn vay càng nhạy cảm với lãi suất.

⊗ Các nhân tố ảnh hưởng làm dịch chuyển đường cầu vốn vay = lợi nhuận kỳ vọng vào các cơ hội đầu tư

- lợi nhuận kỳ vọng cao: 0,25
- Các doanh nghiệp có xu hướng đi vay để mở rộng đầu tư

- Cầu vốn vay tăng, đường cầu vốn vay dịch chuyển sang phải
- lãi suất tăng

→ lợi nhuận kỳ vọng thấp:

- nhu cầu vay vốn giảm → cầu vốn vay giảm, đường cầu vốn vay dịch chuyển sang trái → lãi suất giảm

- lạm phát kỳ vọng 0,25

- chi phí vay vốn được xác định sẽ chính xác hơn dựa vào lãi suất
- Với một mức lãi suất nhất định, khi lạm phát dự tính tăng, chi phí vay vốn có xu hướng giảm → cầu vốn vay tăng → lãi suất có xu hướng tăng và ngược lại

⊗ Cung vốn vay

- Cung vốn vay được hình thành từ:
 - Tiền gửi tiết kiệm của các hộ gia đình: khi lãi suất tăng thì các hộ gia đình có xu hướng tiết kiệm nhiều hơn
 - Các khoản vốn nhàn rỗi của các doanh nghiệp
 - Các quỹ tài trợ ngân sách nhà nước chưa sử dụng đến: Chôm